

Số: /BGDĐT-GDĐH

V/v rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên phục vụ công tác thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh năm 2021

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Các sở giáo dục và đào tạo;
- Sở Giáo dục Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu.

Để có thông tin, cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên phục vụ công tác thi và tuyển sinh trình độ đại học (ĐH); tuyển sinh trình độ cao đẳng (CĐ) ngành Giáo dục Mầm non năm 2021 được đầy đủ, chính xác, đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành; Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo; Sở Giáo dục Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu (gọi chung là sở GDĐT) cử cán bộ có năng lực, kinh nghiệm trong việc rà soát khu vực ưu tiên thực hiện các công việc sau:

1. Đăng nhập vào Phần mềm Quản lý thi THPT và Tuyển sinh ĐH, CĐSP (sau đây gọi chung là Hệ thống) tại địa chỉ <http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp năm 2020 để thực hiện:

1.1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật các thông tin về: Khu vực ưu tiên của trường THPT; tỉnh, huyện; xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn thuộc diện được ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.2. Cập nhật các điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi và xét tuyển;

1.3. Cập nhật các thông tin mới nhất của sở GDĐT: Lãnh đạo sở, phòng khảo thí/phòng quản lý thi, phòng giáo dục chuyên nghiệp; cán bộ làm công tác tuyển sinh, làm công tác ưu tiên, máy tính.

Nội dung, quy trình rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật thực hiện đúng theo Hướng dẫn tại các phụ lục kèm theo Công văn này. Sở GDĐT chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung báo cáo trên Hệ thống.

Sau khi thực hiện xong quy trình trên Hệ thống, sở GDĐT xuất báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, bao gồm các danh mục: Khu vực ưu tiên của trường THPT; khu vực ưu tiên của tỉnh, huyện; các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn sau đó ký, đóng dấu gửi về Bộ GDĐT trước ngày 30/3/2021.

2. Công khai tại Cổng thông tin tuyển sinh của sở GDĐT các thông tin liên lạc để hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho thí sinh, phụ huynh trong quá trình đăng ký dự thi; đăng ký xét tuyển trình độ ĐH, trình độ CĐ ngành Giáo dục Mầm non (theo mẫu tại Phụ lục 4 gửi kèm), đồng thời gửi về Bộ GDĐT để công khai trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát khu vực ưu tiên và Danh sách thông tin liên lạc của sở GDĐT gửi về Vụ Giáo dục Đại học, Bộ GDĐT, 35 Đại Cồ Việt, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội; đồng thời gửi file PDF về địa chỉ email: pvluong@moet.gov.vn.

Mọi vướng mắc cần trao đổi về việc xác định khu vực ưu tiên trong tuyển sinh đề nghị liên hệ với chuyên viên Phạm Văn Lương (SĐT: 0868310868, email: pvluong@moet.gov.vn).

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở GDĐT thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của Công văn này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Hữu Độ (để biết và phối hợp chỉ đạo);
- Cục QLCL (để t/h);
- Cục CNTT (để t/h);
- Lưu: VT, Vụ GD&H.



Hoàng Minh Sơn

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 885/BGDDT-GDĐH ngày 08 tháng 3 năm 2021)

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN RÀ SOÁT DỮ LIỆU VỀ KHU VỰC ƯU TIÊN

1. Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh trình độ đại học (ĐH); trình độ cao đẳng (CĐ) ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, các sở GDĐT cần nghiên cứu kỹ các văn bản được liệt kê tại Phụ lục 2 để sử dụng cho việc rà soát về khu vực ưu tiên.

Trường hợp các sở có các văn bản cá biệt khác liên quan đến khu vực ưu tiên cần báo cáo về Bộ GDĐT qua Vụ Giáo dục Đại học (GDĐH) để cập nhật vào Phần mềm Quản lý thi THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ ngành Giáo dục Mầm non (Hệ thống).

2. Quy trình thực hiện như sau:

a) Bước 1: Sở GDĐT đăng nhập vào Hệ thống theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp năm 2020 tại địa chỉ <http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn> để thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các danh mục theo quy định trong các văn bản tại Phụ lục 2. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung phải tuân thủ theo đúng quy định, hướng dẫn trong Phụ lục 2 và Phụ lục 3. Các danh mục cần rà soát như sau:

- Danh mục đơn vị đăng ký dự thi;
- Danh mục tỉnh, huyện;
- Danh mục xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn;
- Danh mục trường THPT (quy định khu vực của từng trường).

b) Bước 2: Căn cứ vào các văn bản trong Phụ lục 2, các sở rà soát, kiểm tra: nếu có sửa đổi, bổ sung hay xóa bỏ thì cập nhập ngay vào Hệ thống, bổ sung vào cột “Đề xuất” và mô tả lý do (kèm theo minh chứng). Hệ thống không cho phép các sở xóa dữ liệu ngay, nếu sở đề xuất xóa dữ liệu chọn “xóa” trong cột Đề xuất và ghi rõ lý do đề xuất xóa vào cột Lý do (như quy định trong Phụ lục 3). Các bước thực hiện theo tài liệu hướng dẫn đính kèm.

Lưu ý: Các đơn vị giữ ổn định và KHÔNG ĐƯỢC thay đổi mã xã, mã quận/huyện, thị xã/thành phố, mã trường THPT đã có.

Trên cơ sở rà soát đề xuất của Sở, căn cứ vào các văn bản có hiệu lực tại các thời điểm và các minh chứng kèm theo, Vụ GDĐH sẽ kiểm tra, thống nhất với sở từng trường hợp có thay đổi.

c) Bước 3: Các sở GDĐT vào Hệ thống tải các danh mục (Mẫu 2, 3, 4 trong Phụ lục 3) rà soát, kiểm tra lại; sau khi đã chính xác (**không còn chỉnh sửa**) in và ký xác nhận, đóng dấu gửi về Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 35 Đại Cồ Việt, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, đồng thời gửi file PDF (**tên file: Mã sở_tên sở_Tên danh mục tương ứng**) theo địa chỉ email: pvluong@moet.gov.vn trước ngày 30/3/2021.

d) Bước 4: Vụ GDĐH tải dữ liệu về khu vực ưu tiên toàn quốc được xuất ra từ Hệ thống, chuyển sang file PDF gửi để các sở GDĐT tiếp tục kiểm tra, rà soát.

e) Bước 5: Vụ GDĐH đưa các danh mục về khu vực ưu tiên (file PDF) lên Cổng thông tin tuyển sinh.

5. Trước ngày 05/4/2021, Sở GDĐT vào địa chỉ <https://thituyensinh.vn> để kiểm tra các danh mục khu vực ưu tiên của Sở.

Vụ GDĐH đề nghị các sở thường xuyên vào địa chỉ <https://thituyensinh.vn> để cập nhật các thông tin mới nhất về tuyển sinh: Đăng ký dự thi, xét tuyển; điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển; giải đáp thắc mắc của thí sinh;...

6. Khi gửi email về Vụ GDĐH cần ghi rõ tiêu đề mail: [mã số] [tên sở] [rà soát UT TS 2021].

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc xin liên hệ với trực tiếp với Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chuyên viên Phạm Văn Lương, điện thoại: 0868310868; email: pvluong@moet.gov.vn).

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trên./.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 885/BGDDT-GDDH ngày 08 tháng 3 năm 2021)

QUY ĐỊNH KHU VỰC ƯU TIÊN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐH; TRÌNH ĐỘ CĐ NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2021

1. Quy định về Khu vực tuyển sinh:

Căn cứ vào điểm c khoản 4 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh ĐH; CĐ ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm:

Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bắc ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm:

Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm:

Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1);

- Khu vực 3 (KV3) gồm:

Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

2. Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, các xã thuộc khu vực ưu tiên bao gồm: "...các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bắc ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ..." (điểm b, khoản 4, Điều 7) và "Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bắc ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ." (điểm c, khoản 4, Điều 7).

3. Các văn bản làm căn cứ để xác định khu vực ưu tiên

a) Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi được quy định tại:

1- Quyết định 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc, về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

2- Quyết định số 68/QĐ-UBDT ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

3- Quyết định số 601/QĐ-UBDT ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

4- Quyết định 73/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi. Quyết định này thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBDT.

5- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

6- Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

7. Công văn số 389/UBDT-CSDT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

b) Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được quy định tại:

1- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 1/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015.

2- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015, của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định

3- Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang.

4- Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa.

5- Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận.

6- Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh.

7- Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng.

8- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

9- Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng.

10- Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

11- Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

12- Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.

c) Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã An toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 được quy định tại:

1- Quyết định 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

2- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013.

3- Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

4- Quyết định số 74/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

5- Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016.

6- Quyết định 75/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

7- Quyết định số 177/QĐ-UBDT ngày 19/04/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm.

8- Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

9- Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2020.

10- Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Bình.

11- Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn.

12- Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.

13- Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.

14- Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.

15. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ xã ATK, vùng ATK trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Và các quyết định, văn bản khác liên quan đến khu vực ưu tiên nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Trong trường hợp này, đề nghị Sở báo cáo về Vụ GD&ĐT để xem xét và cập nhật vào Hệ thống.

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Công văn số 885 /BGDDT-GDDH ngày 08 tháng 3 năm 2021)

Các sở GDDT đăng nhập bằng tài khoản và mật khẩu đã sử dụng năm 2020 vào Hệ thống theo địa chỉ:
<http://quanly.thitotonghiepthpt.edu.vn> để rà soát các danh mục dữ liệu ưu tiên.

I. MẪU 1. Đơn vị đăng ký dự thi (Điểm tiếp nhận hồ sơ)

(Các sở GDDT KHÔNG gửi danh mục này về Vụ GD&ĐT).

Mã Tỉnh	Mã Đơn vị đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Địa chỉ
01	000	Sở GD&ĐT Hà Nội	Số 23 Quang Trung, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
01	001	THPT Ba Vì	Thôn 7, xã Ba Vì, Huyện Ba Vì, TP. Hà Nội
01	002	THPT Bắc Lương Sơn	Thôn Định, Xã Yên Bình, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội
01	003	THPT Bắc Thăng Long	Thôn Bầu, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

Quy trình thực hiện rà soát như năm 2020. Các sở rà soát và cập nhật các thay đổi lên Hệ thống.

II. MẪU 2: Danh mục Tỉnh/Thành phố; Quận/Huyện

Mã Tỉnh	Tên Tỉnh	Mã Quận/Huyện	Tên Quận/Huyện	Khu vực	Quyết định thành lập quận/huyện	Đề xuất	Lý do
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	01	Quận Ba Đình	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	02	Quận Hoàn Kiếm	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	03	Quận Hai Bà Trưng	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	04	Quận Đống Đa	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	05	Quận Tây Hồ	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	06	Quận Cầu Giấy	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	07	Quận Thanh Xuân	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	08	Quận Hoàng Mai	KV3			

Mã Tỉnh	Tên Tỉnh	Mã Quận/Huyện	Tên Quận/Huyện	Khu vực	Quyết định thành lập quận/huyện	Đề xuất	Lý do
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	09	Quận Long Biên	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	10	Quận Bắc Từ Liêm	KV3			
01	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	11	Huyện Thanh Trì	KV2			
...			

Căn cứ vào quy định về ưu tiên theo khu vực (Phụ lục 2) của Quy chế tuyển sinh và các văn bản hiện hành để xác định khu vực ưu tiên cho các quận/huyện.

- Mã huyện gồm 2 ký tự được đánh liên tục.

- Nếu thêm mới Mã quận/huyện thì mã quận/huyện phải được “Duyệt” mới có thể thêm mã xã.

Lưu ý: Các đơn vị giữ ổn định và KHÔNG ĐƯỢC thay đổi mã quận/huyện, thì xã/thành phố đã có.

III. Mẫu 3. Danh mục các xã khó khăn và các xã đặc biệt khó khăn (hoặc có thôn đặc biệt khó khăn).

TT (1)	Mã tỉnh (2)	Tên tỉnh (3)	Mã Quận/ Huyện (4)	Tên Quận/ Huyện (5)	Mã Xã/ Phường (6)	Tên Xã/ Phường (7)	Xã Khó khăn/Xã đặc biệt Khó khăn (8)	Quyết định (10)	Đề xuất (11)	Lý do (mô tả) (12)
01	17	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	01	HUYỆN BA VÌ	01	Xã Ba Vì	Xã khó khăn	582/QĐ-TTg		
01	17	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	02	HUYỆN BA VÌ	02	ABC	Xã khó khăn	Xóa “**”	Xóa “**”	#
01	17	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	03	HUYỆN BA VÌ	03	Xã Khách Thượng	Xã khó khăn	582/QĐ-TTg		
01	17	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	04	HUYỆN BA VÌ	04	XYZ	Xã khó khăn	#	Xóa	#
01	17	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	05	HUYỆN BA VÌ	05	Xã Tân Lĩnh	Xã khó khăn			
01	17	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	06	HUYỆN BA VÌ	06	HKD	Xã DB khó khăn	#	Bổ sung	#
01	19	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	01	HUYỆN THẠCH THÁT	07	Xã Tiên Xuân	Xã khó khăn			
01	19	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	02	HUYỆN THẠCH THÁT	08	Xã Yên Bình	Xã khó khăn			

1. Yêu cầu: các sở,rà soát, kiểm tra kỹ thông tin;

Cột **Quyết định (10)** điều số quyết định của mã xã được hưởng ưu tiên Khu vực 1. Nếu có sửa đổi thì ghi vào cột **Đề xuất (11)**, và cột **Lý do (12)** đưa ra minh chứng.

- Nếu thêm mới (bổ sung mã xã) thì đưa xuống **cuối cùng của một huyện**.

- Thêm mã xã: Nếu một xã do thay đổi khu vực ưu tiên/ hoặc do thay đổi địa giới hành chính; thị xã/thành phố, huyện/quận, xã/phường thì xã đó được bổ sung mã xã mới (như vậy xã này sẽ có 02 mã hoặc nhiều hơn tương ứng với khu vực ưu tiên theo quy định của các văn bản ở từng thời gian khác nhau), căn cứ theo thời gian qui định của quy chế tuyển sinh, thí sinh chọn mã xã để được hưởng ưu tiên theo HKTT hoặc để bổ sung THPT mới đúng với khu vực ưu tiên đã thay đổi.
- Xã được điều chỉnh bởi văn bản thay thế (văn bản cũ hết hiệu lực) nhưng không làm thay đổi khu vực ưu tiên của xã đó thì không cần bổ thêm mã xã mới, chỉ cần bổ sung số quyết định mới vào mã xã đó. Ví dụ: xã A vẫn bắn trước quy định là khu vực xã đặc biệt khó khăn, văn bản mới thay thế văn bản cũ xã A vẫn quy định là xã đặc biệt khó khăn thì không cần phải thêm mã xã mới nữa.

- **Cần đặc biệt lưu ý với những thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 (QĐ 74/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 và QĐ 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016,...) để xem xét đưa ra khởi danh sách các xã đặc biệt khó khăn (nếu không được hưởng ưu tiên ở các văn bản khác).**

- **Đổi với các xã đưa ra khởi danh sách xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn, cần phải lưu ý rà soát tất cả các văn bản, vì một xã có thể được hưởng ưu tiên khu vực ở nhiều văn bản khác nhau.**

2. Ghi chú: Nếu có sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cần thực hiện theo quy định sau:

- **Mã xã:** Các số tự xá định theo nguyên tắc sau:
 - Là chuỗi gồm 2 chữ số: 01, 02, 03, ... 10, 11, 12 ...
 - Mã xã trong cùng quận/huyện không được trùng lặp, theo thứ tự tăng dần bắt đầu là 01 kế tiếp là 02, 03,....
 - Các huyện khác nhau, mã xã được lặp lại bắt đầu từ: 01, 02, ...
- 3. Lưu ý:** *Các đơn vị giữ ôn định và KHÔNG ĐƯỢC thay đổi mã xã đã có.*

IV. Mẫu 4. Danh mục các trường THPT và tương đương.

TT (1)	Mã tỉnh (2)	Tên tỉnh (3)	Mã Quân huyện (4)	Tên Quận Huyện (5)	Mã xã (6)	Tên xã (7)	Xã Khó khăn/Xã đặc biệt Khó khăn (8)	Mã trường (9)	Tên trường (10)	Địa chỉ (11)	Khu vực (12)	Trường DTNT (13)	Quyết định lập trường (14)	Điện thoại (15)	Đè xuất (16)	Lý do (mô tả) (17)	
2	01	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì				004	THPT Bất Bạt	Thôn Khê Thượng, Xã Sơn Đà, Huyện Ba Vì, TP Hà Nội	KV2						
3	01	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	01	Xã Ba Trại	XA DB KHO KHAN	001	THPT Ba Vì	Thôn 7, xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, TP Hà Nội	KV1						
4	01	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì	04	Xã Minh Quang	XA DB KHO KHAN	120	THPT Minh Quang	Thôn Lật, Xã Minh Quang, Huyện Ba Vì, TP Hà Nội	KV1						
5	01	Hà Nội	17	Huyện Ba Vì				018	PT Dân tộc nội trú	Thôn 7, Xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, TP Hà Nội	KV1	DTNT					
...													

1. Yêu cầu:

- Các sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thông tin (nếu có) trong các cột (2), (3), (4), (5) và (6).
- Riêng đối với các trường đóng tại các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn, điện Mã xã tương ứng vào cột (6), Tên xã cột (7), xã khó khăn/xã đặc biệt khó khăn cột (8). Mã xã đã được quy định trong **Danh mục các xã khó khăn và các xã đặc biệt khó khăn**. Nếu có sửa đổi thì ghi vào cột **Đè xuất** (16) và lý do thay đổi cột Lý do (17).
- Bổ sung thông tin trong các cột.

- Cột **Địa chỉ (11)**, để nghị chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ: Số, tên đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Ví dụ: Xã Ba Trai, Huyện Ba Vì, TP. Hà Nội.

- Thêm mã trường THPT: Trường hợp một trường THPT đã có mã nhưng có thay đổi về ưu tiên khu vực do văn bản mới/hoặc do thay đổi địa giới hành chính: Thị xã/thành phố, huyện/quận, xã/phường thì phải tạo thêm một mã trường mới cho Trường THPT đó sử dụng cho năm 2021, còn mã trường cũ của trường này vẫn sử dụng cho trước năm 2021 (như vậy trường THPT này sẽ có 02 mã hoặc nhiều hơn tương ứng với khu vực ưu tiên theo quy định của các văn bản ở từng thời gian khác nhau/ các địa phương khác nhau).

- Trường tự như mã xã, không bổ sung thêm mã trường mới khi văn bản mới không làm thay đổi khu vực ưu tiên của trường đó.

2. Ghi chú: Nếu có sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cần thực hiện theo quy định sau:

- **Mã trường** theo quy định tương tự năm 2020. *Tuyệt đối không sử dụng mã trường có đầu mã là 80x hoặc 90x (x là 1 số tự nhiên từ 0 đến 9).*

- Mã 900 để quy định cho đối tượng là công an, quân nhân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CD.
- Mã 800 để quy định cho đối tượng là học sinh phổ thông học THPT ở nước ngoài và nước dự thi.
- Trên hệ thống đã tạo các mã: 801; 802; 803 và 804 tương ứng với các khu vực ưu tiên. Sơ GDĐT và các điểm tiếp nhận hướng dẫn thí sinh đã tốt nghiệp THPT đăng ký để xét tuyển (trong mọi trường hợp thí sinh chưa tốt nghiệp THPT không được sử dụng các mã này) chỉ được sử dụng các mã này trong trường hợp trên hệ thống **không** quy định mã trường mà thí sinh theo học (các trường THPT, TT GDTX,... sát nhập, giải thể, đổi tên hoặc thay đổi khu vực hành chính mà chưa kịp bổ sung mã vào hệ thống) và khi thí sinh có đủ minh chứng về khu vực ưu tiên.

TT	Mã trường	Tên trường	Khu vực
1	801	Trường THPT - khu vực 1	KV1
2	802	Trường THPT - khu vực 2 nông thôn	KV-2NT
3	803	Trường THPT - khu vực 2	KV2
4	804	Trường THPT - khu vực 3	KV3

Lưu ý:

1) Danh mục trường THPT và tương đương (gọi chung là “trường”)

- Danh mục bao gồm cả các trường đã giải thể, sáp nhập từ trước đến nay và ghi rõ trong cột **Lý do** đã giải thể, giải thể từ năm nào,

- Trường mới thành lập trong vòng 3 năm trở lại đây ghi rõ trong cột **Lý do** “Mới thành lập năm...”;
- Trường mới đổi tên trong vòng 3 năm trở lại đây: Giữ nguyên trường với tên cũ (được gán một mã) và được xem như trường giải thể; trường với tên mới (được gán mã khác) và xem như trường mới thành lập, trong cột **Đề xuất** ghi “Bổ sung” trong cột **Lý do** (17) ghi “Đổi tên năm...”

- Với các trường có nhiều mã, cần ghi rõ thời gian áp dụng để thí sinh lựa chọn cho đúng, tránh trường hợp nhầm lẫn.

2) Xác định Khu vực ưu tiên của trường theo nguyên tắc: Trường đóng trên địa bàn thuộc khu vực nào, thì ghi khu vực đó theo quy ước mã sau: **1 – Khu vực 1; 2 – Khu vực 2; 3 – Khu vực 3; 2NT – Khu vực 2 Nông thôn**. Trường đóng trên các khu vực ưu tiên khác nhau thì có các mã trường khác nhau.

3) Nếu cần xóa một trường thì ghi “xóa” vào cột **Đề xuất** (16) và ghi rõ lý do vào cột **Lý do** (17).

4. Các đơn vị giữ ôn định và KHÔNG ĐƯỢC thay đổi mã trường THPT đã có.

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Công văn số **885** /BGDĐT-GDDH ngày **08** tháng 3 năm 2021)

Tên sở:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã sở:.....

....., ngày tháng năm 2021

MẪU

DANH SÁCH THÔNG TIN LIÊN LẠC ĐỂ HỖ TRỢ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CỦA THÍ SINH, PHỤ HUYNH NĂM 2021

Mã sở:

Tên sở:

Địa chỉ Website của sở:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email

Người báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)